

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /STNMT-QLMT

Trà Vinh, ngày tháng 7 năm 2024

V/v đăng tải kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước, không khí trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tháng 5, tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Ban biên tập Trang thông tin điện tử Sở tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Xét Báo cáo số 110/BC-TTKT ngày 26/6/2024 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường về kết quả quan trắc chất lượng môi trường tháng 5 và tháng 6 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường đăng tải kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở như sau:

- Nội dung 1: Chất lượng môi trường nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, tháng 5 năm 2024 (có kèm theo file kết quả quan trắc).
- Nội dung 2: Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tháng 5 năm 2024 (có kèm theo file kết quả quan trắc).
- Nội dung 3: Chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, tháng 6 năm 2024.

(Đính kèm nội dung đăng tải)

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ Sở (b/c);
- Lưu: VT, MT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Tuấn

NỘI DUNG ĐĂNG TẢI

(Kèm theo Công văn số /STNMT-QLMT ngày /7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Nội dung 1: CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH, THÁNG 5 NĂM 2024

Thời gian quan trắc: từ ngày 02/5/2024 đến ngày 07/5/2024.

I. Chất lượng môi trường nước mặt

1.1. Huyện Cầu Kè

- Chất lượng nước mặt môi trường nền (NM₀₃-Xã An Phú Tân, vùng tiếp giáp giữa tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh; NM₀₄-Thượng nguồn sông Cầu Kè): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng thông số DO tại điểm NM₀₃ đạt mức D, điểm NM₀₃ đạt mức C.

- Chất lượng nước mặt môi trường tác động (NM₇-Nước sông tại chợ huyện Cầu Kè; NM₉-Sông Hậu tại xã Hòa Tân): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng vài thông số không đạt quy chuẩn như: Điểm NM₇ có thông số DO, COD và Coliform đạt mức D. Điểm NM₉ có thông số DO và COD đạt mức C; Coliform đạt mức D; NH₄⁺ (tính theo N) và Fe không đạt quy chuẩn (Bảng 1).

1.2. Huyện Càng Long

- Chất lượng nước mặt môi trường nền (NM₀₁- Xã Đức Mỹ, vùng tiếp giáp giữa tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, về phía bắc 700m gần vị trí hợp lưu với sông Cổ Chiên; NM₀₂- Trước cầu Cái Hóp): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng điểm NM₀₁ có thông số DO đạt mức D; COD đạt mức C. Điểm NM₀₂ có thông số DO đạt mức C.

- Chất lượng nước mặt môi trường tác động (NM₃- Cầu Mỹ Huê; NM₄- Cầu Đức, sông Nhị Long, xã Nhị Long; NM₆- Cầu Ba Si, xã Phương Thạnh; NM₂₅- Cầu Treo, sông Càng Long, xã An Trường): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng vài thông số không đạt quy chuẩn như: Thông số DO tại 03/04 điểm quan trắc đạt mức D, riêng NM₄ đạt mức C; thông số COD tại điểm NM₃, NM₄, NM₆ và thông số Coliform tại 04/04 điểm đạt mức D. Thông số NH₄⁺ (tính theo N), Cl⁻ tại điểm NM₃; NO₂⁻ (tính theo N) tại điểm NM₄ và NM₂₅ không đạt quy chuẩn (Bảng 1).

1.3. Thành phố Trà Vinh

Chất lượng nước mặt môi trường tác động (NM₂- Cầu Long Bình 1; NM₂₄- Công Tầm Phương - sông Trà Vinh): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng thông số DO tại NM₂ đạt mức D, tại NM₂₄ đạt mức C. Thông số Cl⁻ tại 02/02 điểm quan trắc không đạt quy chuẩn (Bảng 1).

1.4. Huyện Châu Thành

Chất lượng nước mặt môi trường tác động (NM₂₃- Cầu Ô Chát - sông Ô Chát, xã Song Lộc): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và

mức B, Bảng 2). Riêng thông số DO và Coliform đạt mức D.

1.5. Huyện Tiểu Cần

Chất lượng nước mặt môi trường tác động (NM₁₀- Cầu Rạch Lộp - Sông Cầu Chông; NM₁₁- Bến phà Đại Ngãi, thị trấn Cầu Quan): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng vài thông số không đạt quy chuẩn như: Tại điểm quan trắc NM₁₀ có thông số DO và Coliform đạt mức D, thông số COD đạt mức C; thông số NO₂⁻ (tính theo N) không đạt quy chuẩn (Bảng 1). Tại điểm NM₁₁ có thông số DO đạt mức C, thông số COD và Coliform đạt mức D; thông số Cl⁻ không đạt quy chuẩn (Bảng 1).

1.6. Huyện Trà Cú

Chất lượng nước mặt môi trường tác động (NM₁₂- Cầu Tập Sơn, xã Tập Sơn; NM₁₃- Kênh Mù U, xã Lưu Nghiệp Anh; NM₁₄- Cống Trà Cú, sông Trà Cú; NM₁₆- Cầu Phước Hưng, xã Phước Hưng; NM₂₈- Vùng nuôi cá lóc xã Đại An): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng vài thông số không đạt quy chuẩn như: Thông số DO, COD và Coliform ở đa số điểm quan trắc đạt mức D, các điểm còn lại đạt mức C, ngoại trừ điểm NM₁₄ và NM₁₆ có thông số Coliform đạt mức B. Thông số NH₄⁺ (tính theo N), Cl⁻ và NO₂⁻ (tính theo N) ở tất cả các điểm quan trắc đều không đạt quy chuẩn (Bảng 1).

1.7. Huyện Cầu Ngang

Chất lượng nước mặt môi trường tác động (NM₁₇- Sông Bãi Vàng, xã Mỹ Hòa; NM₁₈- Sông Bến Chùa, xã Mỹ Long Nam): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng vài thông số không đạt quy chuẩn như: điểm NM₁₇ có thông số DO, TSS và Coliform đạt mức D; thông số NH₄⁺ (tính theo N), Cl⁻ và NO₂⁻ (tính theo N) không đạt quy chuẩn (Bảng 1). Điểm NM₁₈ có thông số DO đạt mức C, thông số TSS, COD đạt mức D; thông số Cl⁻ và NO₂⁻ (tính theo N) không đạt quy chuẩn (Bảng 1).

1.8. Huyện Duyên Hải

Chất lượng nước mặt môi trường tác động (NM₁₅- Cống La Bang, xã Đôn Châu; NM₂₇- Kênh đào Trà Vinh, xã Long Vĩnh): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng vài thông số không đạt quy chuẩn như: Tại điểm NM₁₅ có thông số DO và COD đạt mức D; thông số NH₄⁺ (tính theo N), Cl⁻ và NO₂⁻ (tính theo N) không đạt quy chuẩn (Bảng 1). Tại điểm NM₂₇ có thông số DO đạt mức C, Coliform đạt mức D; thông số Cl⁻ và NO₂⁻ (tính theo N) không đạt quy chuẩn (Bảng 1).

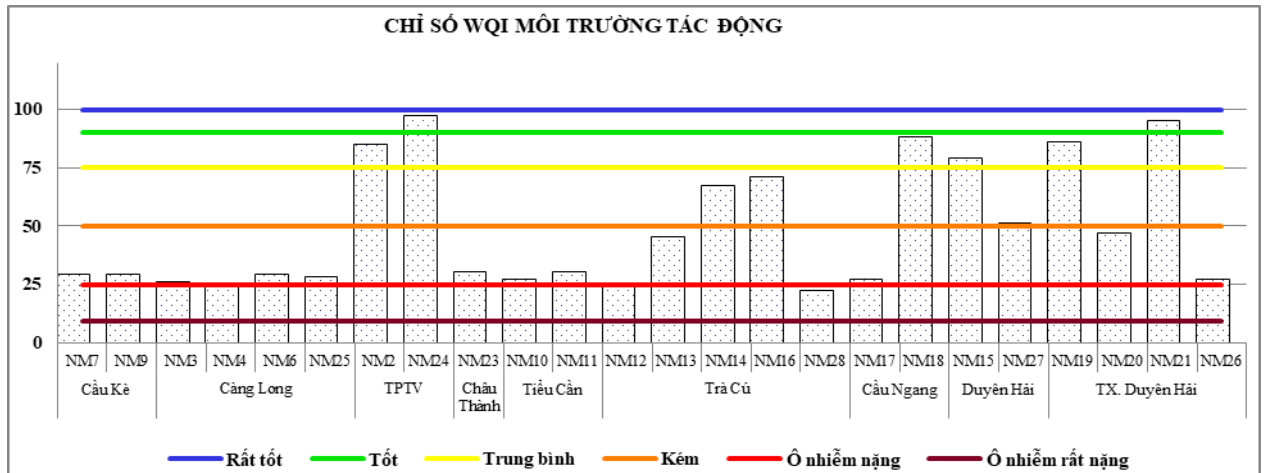
1.9. Thị xã Duyên Hải

Chất lượng nước mặt môi trường tác động (NM₁₉- Cầu Long Toàn; NM₂₀- Cảng cá Láng Chim, phường 2; NM₂₁- Kênh đào Trà Vinh, xã Dân Thành; NM₂₆- Kênh 12 - khu vực gần bãi rác thị xã Duyên Hải): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và mức B, Bảng 2). Riêng vài thông số vượt quy chuẩn như: Thông số DO tại điểm NM₁₉, NM₂₀, NM₂₁, thông số TSS tại điểm NM₂₀, thông số COD tại điểm NM₁₉, NM₂₁ đều đạt mức C; thông số COD và Coliform tại NM₂₀, NM₂₆ chỉ đạt mức D. Thông số Cl⁻ tại tất cả các điểm quan trắc; thông số NO₂⁻ (tính theo N) và Fe tại điểm NM₁₉, NM₂₀ không đạt quy chuẩn (Bảng 1).

1.10. Chỉ số chất lượng nước WQI

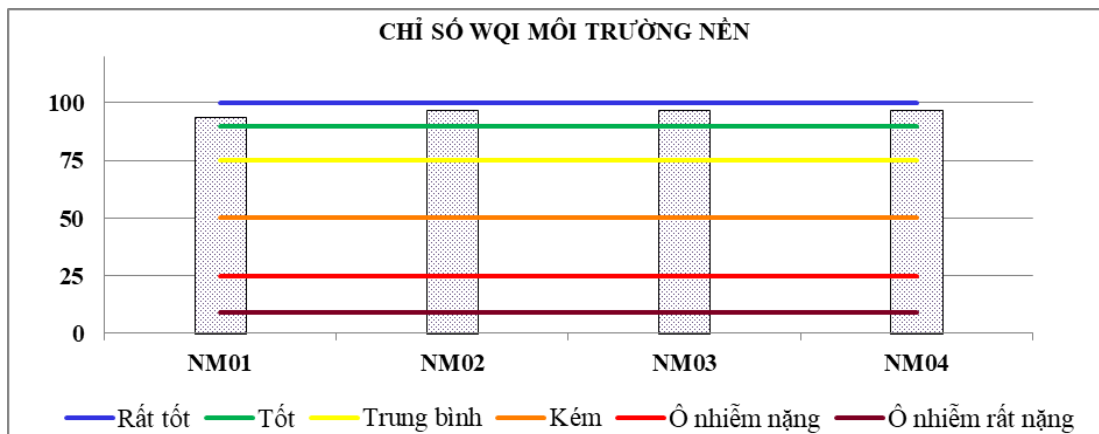
a. Kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước mặt môi trường tác động (WQI_VN)

Chỉ số chất lượng nước (WQI_VN) dao động trong khoảng 22-97, có sự chênh lệch rõ rệt giữa các điểm quan trắc, trong đó: Kênh đào Trà Vinh, xã Dân Thành (NM₂₁) và Cống Tầm Phương - sông Trà Vinh (NM₂₄) có chỉ số WQI cao; tại Cầu Đúc, Sông Nhị Long, xã Nhị Long (NM₄); Cầu Tập Sơn, xã Tập Sơn (NM₁₂) và vùng nuôi cá lóc xã Đại An (NM₂₈) có chỉ số WQI thấp nhất.



b. Kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước mặt môi trường nền (WQI_VN)

Chỉ số chất lượng nước mặt môi trường nền đợt tháng 5/2024: Chỉ số chất lượng nước (WQI_VN) tại tất cả các điểm quan trắc đều ở mức rất tốt.



II. Chất lượng môi trường nước dưới đất

2.1. Huyện Cầu Kè

Chất lượng nước dưới đất (NG₈- Khu vực gần bãi rác Cầu Kè, xã Hòa Ân; NG₉-

Khu vực đất trồng lúa kết hợp nuôi tôm xã Tam Ngãi; NG₁₀- Khu vực chuyên canh trồng lúa xã Phong Phú): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 09:2023/BTNMT. Riêng điểm NG₉ và NG₁₀ có thông số NH₄⁺ (tính theo N) không đạt quy chuẩn.

2.2. Huyện Càng Long

Chất lượng nước dưới đất (NG₅- Khu vực áp Cây Cách, xã Bình Phú; NG₆- Khu vực xã Phương Thạnh; NG₇- Khu vực nước lợ Láng Thề, xã Đại Phước): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 09:2023/BTNMT. Riêng điểm NG₅ và NG₇ có thông số TDS, Độ cứng (theo CaCO₃), Cl⁻, Coliform và NH₄⁺ (tính theo N) không đạt quy chuẩn; điểm NG₆ có thông số TDS, Độ cứng (theo CaCO₃) và Cl⁻ không đạt quy chuẩn.

2.3. Huyện Châu Thành

Chất lượng nước dưới đất (NG₃- Khu vực gần bãi rác thành phố Trà Vinh; NG₄- Khu vực nông nghiệp xã Hòa Lợi): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 09:2023/BTNMT. Riêng điểm NG₄ có thông số Độ cứng (theo CaCO₃), Cl⁻ và NH₄⁺ (tính theo N) không đạt quy chuẩn.

2.4. Huyện Tiểu Cần

Chất lượng nước dưới đất (NG₁₁- Khu vực trồng mía xã Tân Hòa; NG₁₈- Khu vực gần KCN Cầu Quan): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 09:2023/BTNMT. Riêng điểm NG₁₁ có thông số NH₄⁺ (tính theo N) không đạt quy chuẩn.

2.5. Huyện Trà Cú

Chất lượng nước dưới đất (NG₁₅- Khu vực trồng lúa xã Lưu Nghiệp Anh; NG₁₆- Khu vực gần cụm công nghiệp xã Lưu Nghiệp Anh; NG₁₇- Khu vực chuyên canh lúa xã Thanh Sơn): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 09:2023/BTNMT. Riêng điểm NG₁₅ có thông số TDS, Cl⁻ và NH₄⁺ (tính theo N) không đạt quy chuẩn; điểm NG₁₆ và NG₁₇ có thông số NH₄⁺ (tính theo N) không đạt quy chuẩn.

2.6. Huyện Cầu Ngang

Chất lượng nước dưới đất (NG₁₂- Khu vực gần bãi rác huyện Cầu Ngang; NG₂₀- Khu vực trồng đậu phộng xã Long Sơn): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 09:2023/BTNMT. Riêng điểm NG₁₂ có thông số NH₄⁺ (tính theo N) không đạt quy chuẩn; điểm NG₂₀ có thông số Coliform và NH₄⁺ (tính theo N) không đạt quy chuẩn.

2.7. Huyện Duyên Hải

Chất lượng nước dưới đất (NG₁₄- Khu vực làm muối Cồn Cù, xã Đông Hải): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 09:2023/BTNMT, riêng thông số TDS và NH₄⁺ (tính theo N) không đạt quy chuẩn.

2.8. Thị xã Duyên Hải

Chất lượng nước dưới đất (NG₁₃- Khu vực nuôi tôm công nghiệp xã Long Toàn; NG₁₉- Khu vực kênh 12 - khu vực gần bãi rác thị xã Duyên Hải): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 09:2023/BTNMT. Riêng điểm NG₁₃ có thông số

Coliform và NH_4^+ (tính theo N) không đạt quy chuẩn; điểm NG₁₉ có thông số NH_4^+ (tính theo N) không đạt quy chuẩn.

III. Chất lượng môi trường nước biển

3.1. Huyện Cầu Ngang

Chất lượng nước biển ven bờ (B₆- Khu vực xã Mỹ Long Nam; B₁₀- Khu neo đậu tránh trú bão Vàm Lâu, xã Mỹ Long Bắc): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 10:2023/BTNMT. Riêng vài thông số không đạt quy chuẩn như: tại điểm B₆ có thông số TSS, NH_4^+ (tính theo N), Fe và Coliform không đạt quy chuẩn (Bảng 1, Bảng 2); điểm B₁₀ có thông số NH_4^+ (tính theo N) và Coliform không đạt quy chuẩn (Bảng 1, Bảng 2).

3.2. Huyện Duyên Hải

Chất lượng nước biển ven bờ (B₃- Tại khu vực nước biển xã Đông Hải): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 10:2023/BTNMT. Riêng thông số TSS, NH_4^+ (tính theo N), Fe và Coliform không đạt quy chuẩn (Bảng 1, Bảng 2).

3.3. Thị xã Duyên Hải

Chất lượng nước biển ven bờ (B₁- Khu du lịch biển Ba Động, xã Trường Long Hoà; B₇- Khu vực Cảng biển): đa số các thông số quan trắc đạt QCVN 10:2023/BTNMT. Riêng điểm B₁ có thông số NH_4^+ (tính theo N) và Fe không đạt quy chuẩn (Bảng 2); điểm B₇ có thông số TSS, NH_4^+ (tính theo N), Fe và Coliform không đạt quy chuẩn (Bảng 1, Bảng 2).

Đính kèm kết quả quan trắc môi trường nước tại các huyện, thành phố và thị xã
[Ket qua quan trac mt nuoc mat nb ndd thang 5 2024.doc](#)

Nội dung 2: CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH THÁNG 5 NĂM 2024

Thời gian quan trắc: từ ngày 03/5/2024 đến ngày 14/5/2024.

1. Huyện Cầu Kè

Chất lượng không khí khu vực Chợ Cầu Kè (QL 54 - TT. Cầu Kè) (K₂₀); Khu vực gần CCN Phong Phú (K₂₁): tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

2. Huyện Càng Long

Chất lượng không khí khu vực Giao lộ QL 53 và QL 60, huyện Càng Long (K₁₃); Làng nghề xã Đức Mỹ, huyện Càng Long (K₁₄); Khu vực gần UBND huyện Càng Long (K₁₅); Bệnh viện Đa khoa Càng Long (K₁₆); Bãi rác Càng Long (K₁₇), Khu vực gần cầu Cổ Chiên (gần trạm thu phí) (K₄₁): đa số các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Riêng thông số tiếng ồn tại điểm K₁₅ có giá trị 71,2 dBA, vượt 1,02 lần so với giới hạn cho phép so với QCVN 26:2010/BTNMT.

3. Thành phố Trà Vinh

Chất lượng không khí tại khu vực Bến xe Trà Vinh (K₁); Chợ Trà Vinh (K₂); UBND tỉnh Trà Vinh (K₃); Khu văn hóa - du lịch Bà Om (K₃₃): tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

4. Huyện Châu Thành

Chất lượng không khí tại vị trí Giao lộ đường 2/9 và đường 30/4, huyện Châu Thành (K₁₀): tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT. Riêng thông số tiếng ồn có giá trị 76,7 dBA, vượt 1,1 lần so với giới hạn cho phép so với QCVN 26:2010/BTNMT.

5. Huyện Tiểu Cần

Chất lượng không khí tại vị trí giao lộ QL 60 và QL 54, Thị trấn Tiểu Cần (K₁₈); khu vực gần KCN Cầu Quan (K₁₉); Công ty Giày da Mỹ Phong (K₃₆): đa số các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Riêng thông số tiếng ồn tại điểm K₁₈ có giá trị 75,3 dBA, vượt 1,08 lần so với giới hạn cho phép so với QCVN 26:2010/BTNMT

6. Huyện Trà Cú

- Chất lượng không khí môi trường nền tại vùng đồng bằng xã Phước Hưng, huyện Trà Cú (K₀₂): tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Chất lượng không khí môi trường tác động tại khu vực chợ Trà Cú (K₂₃);

Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp, chất thải nguy hại huyện Trà Cú (K₄₂): tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

7. Huyện Cầu Ngang

Chất lượng không khí tại khu vực gần Cụm công nghiệp thị trấn Cầu Ngang (K₃₁); khu vực Thị trấn Mỹ Long (K₃₂): tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

8. Huyện Duyên Hải

- Chất lượng không khí môi trường nền tại Khu vực đồng bằng xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải (K₀₁): tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Chất lượng không khí môi trường tác động tại Làng nghề sơ chế biến thủy, hải sản xã Đông Hải (K₂₆): tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

9. Thị xã Duyên Hải

Chất lượng không khí tại Bãi rác Duyên Hải (K₂₅), Trục quốc lộ 53 chạy qua phường (K₂₇); Ngã ba giao Quốc lộ 53 và Hương lộ 81 Trung tâm điện lực Duyên Hải (K₂₈), Khu dân cư bên ngoài nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (K₂₉), Khu du lịch sinh thái biển Ba Động (K₃₀): đa số các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Riêng thông số tiếng ồn tại điểm K₂₈ có giá trị 70,4 dBA, vượt 1,006 lần so với giới hạn cho phép so với QCVN 26:2010/BTNMT.

Đính kèm kết quả quan trắc môi trường nước tại các huyện, thành phố và thị xã:
[Ket qua quan trac mt khong khi thang 5 2024.docx](#)

Nội dung 3: CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH, THÁNG 6 NĂM 2024

Thời gian quan trắc: ngày 03 tháng 6 năm 2024.

I. Chất lượng môi trường nước (quan trắc ngày 03/6/2024)

1. Huyện Cầu Kè

- Chất lượng nước mặt môi trường nền tại Xã An Phú Tân, vùng tiếp giáp giữa tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh (NM₀₃): đa số các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (mức B). Riêng thông số COD vượt nhẹ so với mức B 1,3 lần và thông số DO chỉ đạt mức D. Cụ thể: pH: 7,41; DO: 3,63 mg/L; TSS: 13,5 mg/L; COD: 19,5 mg/L; BOD₅: 2,0 mg/L; NH₄⁺ (tính theo N): 0,124 mg/L; Cl⁻: 58,9 mg/L; NO₂⁻ (tính theo N): 0,008 mg/L; NO₃⁻ (tính theo N): 0,163 mg/L; PO₄³⁻ (tính theo P): 0,04 mg/L; Tổng dầu, mỡ: 0,5 mg/L; Coliform: 4,3.10³ MPN/100mL.

- Chất lượng nước mặt môi trường nền tại Thượng nguồn sông Cầu Kè (NM₀₄): đa số các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (mức B). Riêng thông số COD vượt nhẹ so với mức B 1,09 lần, Coliform vượt 3,2 lần so với mức D và thông số DO chỉ đạt mức D. Cụ thể: pH: 7,43; DO: 3,66 mg/L; TSS: 34,0 mg/L; COD: 16,3 mg/L; BOD₅: 2,6 mg/L; NH₄⁺ (tính theo N): 0,085 mg/L; Cl⁻: 58,9 mg/L; NO₂⁻ (tính theo N): 0,009 mg/L; NO₃⁻ (tính theo N): 0,103 mg/L; PO₄³⁻ (tính theo P): 0,05 mg/L; Tổng dầu, mỡ: 0,5mg/L; Coliform: 2,4.10⁴ MPN/100mL.

2. Huyện Càng Long

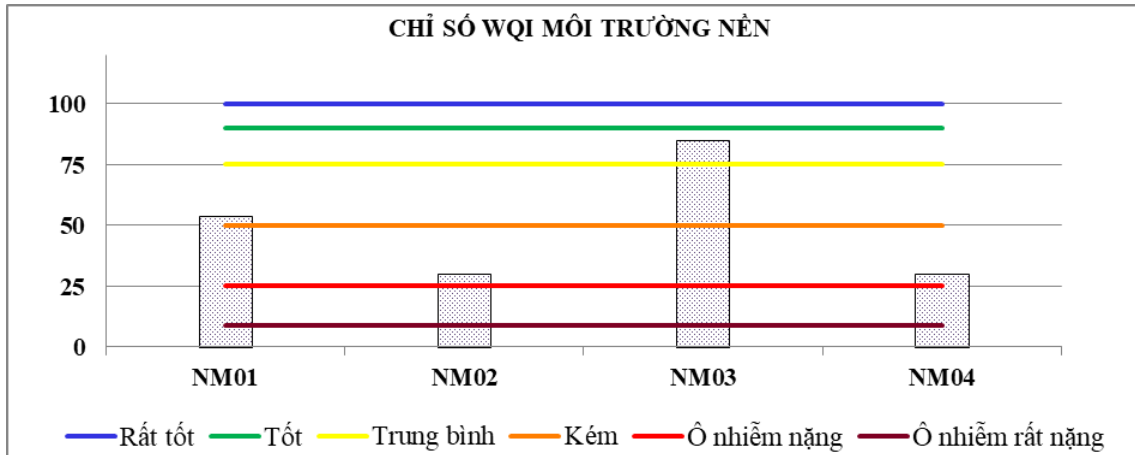
- Chất lượng nước mặt môi trường nền tại Xã Đức Mỹ, vùng tiếp giáp giữa tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, về phía bắc 700m gần vị trí hợp lưu với sông Cổ Chiên (NM₀₁): đa số các thông số quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (mức B). Riêng thông số Coliform vượt 1,24 lần so với mức D và thông số DO chỉ đạt mức D. Cụ thể: pH: 7,37; DO: 3,60 mg/L; TSS: 13,9 mg/L; COD: 10,1 mg/L; BOD₅: 1,6 mg/L; NH₄⁺ (tính theo N): 0,150 mg/L; Cl⁻: 154,0 mg/L; NO₂⁻ (tính theo N): 0,006 mg/L; NO₃⁻ (tính theo N): 0,339 mg/L; PO₄³⁻ (tính theo P): 0,02 mg/L; Tổng dầu, mỡ: 0,8 mg/L; Coliform: 9,3.10³ MPN/100mL.

- Chất lượng nước mặt môi trường nền tại Trước cầu Cái Hóp (NM₀₂): đa số các thông số quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (mức B). Riêng thông số DO chỉ đạt mức D; Thông số Coliform vượt 2 lần so với mức D. Cụ thể: pH: 7,35; DO: 3,55 mg/L; TSS: 5,6 mg/L; COD: 6,2 mg/L; BOD₅: 1,6 mg/L; NH₄⁺ (tính theo N): 0,093 mg/L; Cl⁻: 84,0 mg/L; NO₂⁻ (tính theo N): 0,009 mg/L; NO₃⁻ (tính theo N): 0,160 mg/L; PO₄³⁻ (tính theo P): KPH; Tổng dầu, mỡ: 0,3 mg/L; Coliform: 1,5.10⁴ MPN/100mL.

3. Chỉ số chất lượng nước WQI

Chỉ số chất lượng nước mặt môi trường nền đợt tháng 6/2024: Chỉ số chất

lượng nước (WQI_VN) tại vị trí Xã An Phú Tân, vùng tiếp giáp giữa tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh (NM₀₃) đạt ở mức tốt; tại vị trí Xã Đức Mỹ, vùng tiếp giáp giữa tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, về phía bắc 700m gần vị trí hợp lưu với sông Cổ Chiên (NM₀₁) đạt mức trung bình; tại các vị trí Thượng nguồn sông Cầu Kè (NM₀₄) và Trước cầu Cái Hóp (NM₀₂) đều ở mức kém.



II. Chất lượng môi trường không khí (quan trắc ngày 03/6/2024)

1. Huyện Trà Cú

Chất lượng không khí môi trường nền tại vùng đồng bằng xã Phước Hưng, huyện Trà Cú (K₀₂): tất các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Cụ thể: Nhiệt độ: 30,9 °C; Độ ẩm: 78,7 %; Tốc độ gió: 0,7 m/s; Tiếng ồn: 67,5 dBA; Bụi lơ lửng (TSP): 73 µg/Nm³; SO₂: 14,0 µg/Nm³; NO₂: KH; CO: 4.369 µg/Nm³.

2. Huyện Duyên Hải

Chất lượng không khí môi trường nền tại Khu vực đồng bằng xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải (K₀₁): tất các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Cụ thể: Nhiệt độ: 31,3 °C; Độ ẩm: 75,52 %; Tốc độ gió: 0,9 m/s; Tiếng ồn: 60,1 dBA; Bụi lơ lửng (TSP): 82 µg/Nm³; SO₂: 13,4 µg/Nm³; NO₂: KPH; CO: KPH.